

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS-ST

Ngày: 29 - 9 - 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Đoàn
2. Ông Nguyễn Hữu Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp: “hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Y

Trụ sở: tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà L, phường N, quận R, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông G. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

- 1.1. Bà T. Cán bộ Ngân hàng TMCP Y.
- 1.2. Bà V. Cán bộ Ngân hàng TMCP Y (có mặt)
- 1.3. Ông D. Cán bộ Ngân hàng TMCP Y

Địa chỉ liên lạc: đường K, phường K1, quận K2, TP. Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số 086723.22 ngày 12/8/2022).

2. *Bị đơn*: Ông **H**, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: ấp O, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Y đã ký với ông H các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 5499057.19 ngày 06/9/2019 với nội dung: Ngân hàng Y cho ông H vay số tiền 96.000.000 đồng; mục đích vay vốn: tiêu dùng; thời hạn vay: 48 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 13/9/2023. Lãi suất vay: lãi suất tại thời điểm giải ngân bằng 19,5%/năm. Mức lãi suất này được cố định trong suốt thời hạn vay. Số tiền phải hoàn trả hàng tháng (bao gồm gốc và lãi): 2.895.802 đồng; ngày đến hạn trả tiền: ngày 20 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 20/10/2019. Ngày 13/9/2019 ngân hàng Y đã giải ngân cho ông H theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5499057(1).19 với số tiền 96.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 28/8/2019 với nội dung: Ngân hàng Y cấp hạn mức tín dụng cho ông H theo thẻ tín dụng có số thẻ 512824xxxxxx7270; loại thẻ Financial Free Classic; hạn mức 26.000.000 đồng. Lãi suất áp dụng theo quy định của ngân hàng Y theo từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký. Vì vậy, ngân hàng Y đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 25/02/2020. Tạm tính đến ngày 06/10/2021 ông H đã trả cho ngân hàng số tiền tổng cộng là 6.470.979 đồng (nợ gốc là 6.470.979 đồng, nợ lãi 0 đồng).

Ngân hàng Y khởi kiện yêu cầu ông H phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 11/10/2021 là 192.119.397 đồng, bao gồm: Hợp đồng tín dụng số 5499057.19 (nợ gốc: 89.529.021 đồng; nợ lãi: 23.172.502 đồng; nợ lãi quá hạn: 9.587.769 đồng); Thẻ tín dụng số 512824xxxxxx7270 (nợ gốc: 23.648.220 đồng; nợ lãi: 8.843.801 đồng; nợ lãi quá hạn: 37.338.084 đồng); đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi theo lãi suất quá hạn kể từ ngày 12/10/2021 cho đến khi ông H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký (Hợp đồng tín dụng số 5499057.19 ngày 06/9/2019; Đơn đề nghị

giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5499057(1).19 ngày 13/9/2019; Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 28/8/2019).

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện ngân hàng yêu cầu ông H phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2022 là 240.645.143 đồng, bao gồm: (nợ gốc: 113.177.241 đồng; nợ lãi: 9.476.184 đồng; nợ lãi quá hạn: 117.991.718 đồng); đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi theo lãi suất quá hạn kể từ ngày 30/9/2022 cho đến khi ông H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng TMCP Y khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 5499057.19 và Thẻ tín dụng số 512824xxxxxx7270; bị đơn có nơi cư trú ở huyện Bình Tân; mục đích vay tiền để tiêu dùng, các bên không có thỏa thuận khác về cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn ông H tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 5499057.19 ngày 06/9/2019; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5499057(1).19 ngày 13/9/2019; Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 28/8/2019 giữa Ngân hàng TMCP Y với ông H. Việc ký kết Hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện,

các thỏa thuận vay tiền không trái pháp luật.

Xét bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và chứng cứ do Ngân hàng TMCP Y gửi nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm chưa có ý kiến phản đối nên đây được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh, quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 06/10/2021 ông H đã trả cho ngân hàng số tiền tổng cộng là 6.470.979 đồng (nợ gốc là 6.470.979 đồng, nợ lãi 0 đồng).

Do ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận; tính đến ngày đến ngày 29/9/2022 là 240.645.143 đồng, bao gồm: (nợ gốc: 113.177.241 đồng; nợ lãi: 9.476.184 đồng; nợ lãi quá hạn: 117.991.718 đồng); nên yêu cầu của Ngân hàng TMCP Y là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Mặt khác, ông H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5499057.19 ngày 06/9/2019; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5499057(1).19 ngày 13/9/2019; Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 28/8/2019.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông H phải chịu 12.032.000 đồng. Ngân hàng TMCP Y không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 90, 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Y do bà V đại diện.

2. Buộc ông H có trách nhiệm trả số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP Y theo Hợp đồng tín dụng số 5499057.19 ngày 06/9/2019; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5499057(1).19 ngày 13/9/2019; Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 28/8/2019 tính đến ngày 29/9/2022 là 240.645.143 đồng, bao gồm: (nợ gốc: 113.177.241 đồng; nợ lãi: 9.476.184 đồng; nợ lãi quá hạn: 117.991.718 đồng).

3. Ông H còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP Y theo Hợp đồng tín dụng số 5499057.19 ngày 06/9/2019; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5499057(1).19 ngày 13/9/2019; Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 28/8/2019 kể từ ngày 30/9/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc ông H phải nộp 12.032.000 đồng (Mười hai triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

4.2. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Y số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.802.985 đồng (*Bốn triệu tám trăm lẻ hai nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng*) theo biên lai thu số 0035284 ngày 31/3/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú – thành phố Hồ Chí Minh thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân